



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

SƯ PHẠM  
KỸ THUẬT

# BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 844/QĐ-ĐHSPKT, ngày 06 tháng 9 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

NGÀNH

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ  
CHUYÊN NGÀNH  
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

MÃ NGÀNH: 7510301

Đà Nẵng, 08/2024

# I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Thông tin chung

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	
3. Tên chuyên ngành:	Công nghệ kỹ thuật điện
4. Trình độ đào tạo:	Đại học
5. Mã ngành đào tạo:	7510301
6. Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp PTTH hoặc tương đương
7. Thời gian đào tạo:	4,5 năm
8. Hình thức đào tạo:	Chính quy
9. Số tín chỉ yêu cầu:	159
10. Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng việt
11. Khoa quản lý:	Điện – Điện Tử
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	<p>Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;</li><li>2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;</li><li>3. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;</li><li>4. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;</li><li>5. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương;</li><li>6. Đạt yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên bậc đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;</li><li>7. Đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.</li></ol>
14. Văn bằng tốt nghiệp:	Kỹ sư
15. Vị trí việc làm:	Người học tốt nghiệp trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện có khả năng làm việc tại các vị trí liên quan đến nghiên cứu, thiết kế, vận hành, quản lý thiết bị và hệ thống và quản trị trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

16. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên tốt nghiệp chương trình này có thể dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ cùng ngành và các ngành gần
17. Chương trình đào tạo đối sánh:	- Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện, Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng. - Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh
18. Ban hành:	Theo Quyết định số...../QĐ-ĐHSPKT, ngày ... tháng... năm ....của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

## 1.2. Mục tiêu đào tạo

### 1.2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu ứng dụng công nghệ; có khả năng học tập suốt đời, khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

### 1.2.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Mục tiêu
O1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
O2	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức về lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, chuyên ngành (Công nghệ kỹ thuật điện)
O3	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu khoa học; kỹ năng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sử dụng công nghệ; có khả năng đổi mới sáng tạo, tư duy khởi nghiệp; kỹ năng phổ biến, truyền bá tri thức, tự định hướng, thích nghi với sự thay đổi.
O4	Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả công tác.

## 1.3. Chuẩn đầu ra

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT
PLO1	Xác định, phát biểu và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện) bằng cách áp dụng các kiến thức toán học, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.

PLO 2	Phát triển và tiến hành thí nghiệm, phân tích, giải thích dữ liệu, đánh giá và đưa ra các kết luận, đề xuất về sử dụng các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện).
PLO3	Thiết kế kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện) để đáp ứng các yêu cầu cụ thể có quan tâm đến con người, môi trường, cộng đồng và các vấn đề toàn cầu.
PLO4	Vận hành, bảo dưỡng các hệ thống, máy móc thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện).
PLO5	Nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các tình huống và giải pháp kỹ thuật.
PLO6	Thu thập, sử dụng tài liệu kỹ thuật thích hợp và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết thông qua việc sử dụng các chiến lược học tập phù hợp.
PLO7	Có năng lực giao tiếp bằng văn bản, lời nói, tài liệu kỹ thuật, đồ họa.
PLO8	Hoạt động hiệu quả như một thành viên trong nhóm kỹ thuật để thực hiện nhiệm vụ nhằm đáp ứng các mục tiêu.
PLO9	Có tư duy phản biện, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; kỹ năng quản trị, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện).

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT:

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra CTĐT								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
O1	X								
O2	X	X	X	X					
O3	X	X			X	X	X	X	X
O4					X		X	X	X

#### 1.4. Cơ hội nghề nghiệp

Mức lương trung bình của người học tốt nghiệp sau 1 năm: 10 -12 triệu đồng/ tháng

#### 1.5. Tuyển sinh - điều kiện nhập học

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức được công bố trong đề án tuyển sinh hàng năm. Điểm xét tuyển là điểm của tổ hợp môn được công bố trong thông báo tuyển sinh hàng năm. Thí sinh phải đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hội đồng tuyển sinh Đại học Đà Nẵng quy định, đồng thời đạt điểm chuẩn xét tuyển vào ngành do Hội đồng tuyển sinh công bố ở mỗi đợt xét tuyển.

#### 1.6. Quá trình đào tạo

Chương trình đào tạo được triển khai theo học chế tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật. Mỗi năm học có 2 học kỳ chính và một học kỳ hè. Số giờ lên lớp trung bình 20 tiết/tuần. Cách thức kiểm tra đánh giá được qui định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

### **1.7. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp phải thỏa mãn các tiêu chí công nhận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo tín chỉ của Giáo dục và Đào tạo, có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu về chuẩn đầu ra của nhà trường về Ngoại ngữ, Tin học.

### **1.8. Khả năng phát triển nghề nghiệp:**

Sinh viên tốt nghiệp có cơ hội học lên bậc sau đại học: Thạc sĩ - Tiến sĩ;

Sinh viên có khả năng chuyển đổi ngành hoặc học thêm ngành thứ 2 phù hợp với ngành đào tạo;

Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc và khả năng học tập suốt đời.

### **1.9. Chiến lược giảng dạy - học tập**

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

#### **1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp**

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture) và phương pháp tham luận (Guest Lecture)

+ Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

+ Thuyết giảng (Lecture): Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thỉnh thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

+ Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giảng viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

#### **1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp**

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

+ Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

+ Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

### **1.9.3. Học trải nghiệm**

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment), dự án (Project) và nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team).

+ Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giảng viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

+ Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

+ Thí nghiệm (Experiment): Là phương pháp dạy học trong đó giảng viên sử dụng các thao tác thí nghiệm, sinh viên quan sát và thực hành các thí nghiệm đó theo hướng dẫn của giảng viên. Từ đó hướng đến mục tiêu dạy học.

+ Dự án (Project): Là phương pháp học trong đó giảng viên tổ chức cho sinh viên học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Dự án ở đây được hiểu là những nhiệm vụ phức tạp từ các vấn đề mang tính chất kích thích người học tìm hiểu, khám phá. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình. Phương pháp học dựa trên dự án chú trọng tới những hoạt động học có tính chất lâu dài và liên môn, liên ngành và thường gắn với những vấn đề nảy sinh từ đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, phương pháp học dựa trên dự án còn tạo ra những cơ hội nhằm giúp người học theo đuổi được những sở thích của mình, và tự mình đưa ra quyết định về câu trả lời hay tìm ra giải pháp cho các vấn đề trình bày trong dự án.

+ Nhóm nghiên cứu học tập (Study Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sỹ, tiến sỹ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

#### **1.9.4. Dạy học tương tác**

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

+ Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giảng viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

+ Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

+ Học nhóm (Peer Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên

#### **1.9.5. Tự học**

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment). Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

#### **1.9.6. Dạy học trực tuyến**

Học tập trực tuyến (e-learning) là phương thức học tập trong đó sinh viên dùng các thiết bị kết nối Internet để có thể kết nối với giảng viên thông qua các công cụ dạy học thời gian thực, truy cập nguồn tài nguyên học tập được lưu trữ trên các nền tảng số. Giảng viên tương tác từ xa và có thể gửi học liệu số (hay học liệu điện tử) là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: giáo trình điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác cho người học thông qua các hệ thống quản lý học tập LMS (Learning Management System).

E-learning với những ưu điểm trong dạy học làm thay đổi mạnh mẽ kỹ năng tự học của người học do khả năng cá nhân hóa cũng như đáp ứng hiệu quả các hoạt động học tập của người học. Cùng với sự phát triển của công nghệ, việc xây dựng môi trường học tập trực tuyến hiện đại, xây dựng các nội dung giảng dạy trực tuyến được phát triển theo hướng ngày càng tiếp cận gần hơn với người học.

#### **1.10. Phương pháp đánh giá**

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

##### **1.10.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), và đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

+ Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của sinh viên cũng như những đóng góp của sinh viên trong khóa học cũng phản ánh thái độ học tập của họ đối với khóa học.



+ Đánh giá bài tập (Work Assignment): Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Trong một số môn học thuộc chương trình đào tạo, sinh viên được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm mình trước các nhóm khác. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức chuyên ngành mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

### **1.10.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong loại đánh giá này gồm có: Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), Thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment)

+ Kiểm tra viết (Written Exam): Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam): Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.

+ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam): Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

+ Báo cáo (Written Report): Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ/ hình ảnh trong báo cáo.

+ Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion): Phương pháp đánh giá này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình. Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

+ Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment): Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên.

## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

### 2.1. Khung chương trình dạy học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*) HP học trước HP song hành(+)
			LT-BT	TH-TN	Th. tập		
<b>1. Kiến thức Giáo dục Đại cương</b>							
<b>1.1 Các học phần bắt buộc</b>							
1	5319001	Đại số tuyến tính	2	0	0	2	
2	5319002	Giải tích I	3	0	0	3	
3	5505108	Toán chuyên ngành	2	0	0	2	Giải tích I
4	5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	0	0	2	
5	5319003	Giải tích II	2	0	0	2	Giải tích I
6	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	Giải tích I
7	5209008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	Triết học Mác-LêNin
8	5209005	Triết học Mác-LêNin	3	0	0	3	
9	5209006	Kinh tế chính trị	2	0	0	2	Triết học Mác-LêNin
10	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
11	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	Triết học Mác-LêNin
12	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	Triết học Mác-LêNin
13	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	0	0	2	
14	5505251	Tin học cơ bản	1	1	0	2	
15	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
16	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
17	5413008	Tiếng Anh A2.1	3	0	0	3	Tiếng Anh cơ bản
18	5413009	Tiếng Anh A2.2	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.1
19	5413010	Tiếng Anh A2.3	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.2
20	5413011	Tiếng Anh B1.1	2	0	0	2	Tiếng Anh A2.3
21	5413012	Tiếng Anh B1.2	2	0	0	2	Tiếng Anh B1.1
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương						<b>43</b>	
<b>1.2 Các học phần tự chọn tự do</b>							
(*) dựa vào kết quả đánh giá Tiếng Anh đầu vào							
1	5413007	Tiếng Anh cơ bản (*)	3	0	0	3	

Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương						<b>43</b>	
<b>1.3 Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất &amp; Chứng chỉ quốc phòng</b>							
1	5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	4	4	
2	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	
3	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	
4	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	
5	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	
<b>2. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp</b>							
<b>2.1 Các học phần cơ sở - bắt buộc</b>							
1	5505001	An toàn điện	1	0	0	1	Lý thuyết mạch I
2	5505038	Kỹ thuật điện tử	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I
3	5505027	Đo lường điện - điện tử	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I
4	5505033	Khí cụ điện	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I
5	5505396	Kỹ thuật số	2	0	0	2	Kỹ thuật điện tử
6	5505050	Lý thuyết mạch I	2	0	0	2	Đại số tuyến tính, Vật lý điện-tử, Toán chuyên ngành (+)
7	5505051	Lý thuyết mạch II	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I, Toán chuyên ngành
8	5505061	Nhập môn ngành Điện-Điện tử	1	0	0	1	
9	5505199	TH điện cơ bản	0	1	0	1	Nhập môn ngành Điện-Điện tử(+)
10	5505292	TH Điện tử tương tự và số	0	2	0	2	Kỹ thuật số
11	5505077	TH nhập môn Điện- Điện tử	0	1	0	1	Nhập môn ngành Điện-Điện tử(+)
12	5505102	TN mạch điện	0	1	0	1	Lý thuyết mạch I
13	5505041	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	0	0	2	Toán chuyên ngành
14	5505110	Trường điện tử	2	0	0	2	Giải tích II, Vật lý điện-tử
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần cơ sở bắt buộc						<b>23</b>	
<b>2.2 Các học phần chuyên ngành – bắt buộc</b>							
1	5505002	Bảo vệ role	3	0	0	3	Ngắn mạch
2	5505398	Chuyên đề HTCCĐ	2	0	0	2	Cung cấp điện
3	5505006	Cung cấp điện	2	0	0	2	Máy điện I

4	5505397	ĐA thiết kế cao áp	0	0	1	1	KT điện cao áp & vật liệu điện
5	5505009	ĐA thiết kế mạng điện khu vực	0	0	2	2	Mạng điện khu vực
6	5505011	Điện tử công suất	3	0	0	3	Kỹ thuật điện tử
7	5505021	Đồ án thiết kế cấp điện	0	0	2	2	Cung cấp điện
8	5505399	Học kỳ doanh nghiệp CNKTĐ	0	0	3	3	Mạng điện khu vực, Nhà máy điện (+), Bảo vệ role (+), KT điện cao áp & vật liệu điện (+)
9	5505034	KT điện cao áp & vật liệu điện	3	0	0	3	Mạng điện khu vực
10	5505036	Kỹ thuật chiếu sáng	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I (+)
11	5505291	Lập trình Logic và PLC	2	0	0	2	Kỹ thuật số
12	5505052	Mạng điện khu vực	3	0	0	3	Cung cấp điện, Lý thuyết mạch II
13	5505055	Máy điện I	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I
14	5505056	Máy điện II	2	0	0	2	Máy điện I
15	5505059	Ngắn mạch	2	0	0	2	Lý thuyết mạch I
16	5505060	Nhà máy điện	3	0	0	3	Ngắn mạch
17	5505058	Năng lượng sạch & tái tạo	2	0	0	2	Điện tử công suất, Mạng điện khu vực, Kỹ thuật số
18	5505081	TH tin học ứng dụng trong HTĐ	0	2	0	2	Mạng điện khu vực
19	5505109	Trang bị điện công nghiệp	2	0	0	2	Máy điện I, Khí cụ điện
20	5505092	TH máy điện	0	2	0	2	Máy điện II (+)
21	5505236	TN Cung cấp điện	0	1	0	1	Cung cấp điện
22	5505099	TN Điện tử công suất	0	1	0	1	Điện tử công suất
23	5505101	TN KT điện cao áp	0	1	0	1	KT điện cao áp & vật liệu điện
24	5505104	TN Mạng điện khu vực	0	1	0	1	Mạng điện khu vực
25	5505105	TN Máy điện	0	1	0	1	Máy điện II(+), TN mạch điện
26	5505106	TN Role	0	1	0	1	Bảo vệ role
27	5505235	Vẽ kỹ thuật điện-HTĐ	0	1	0	1	Vẽ kỹ thuật
28	5505295	TH lắp đặt tủ điện	0	2	0	2	Trang bị điện công nghiệp, Cung cấp điện
29	5505395	Đồ án tổng hợp điện cơ	0	0	2	2	TH máy điện, Trang bị điện công nghiệp, Cung cấp điện (+)
30	5505394	Chuyên đề máy điện ứng dụng	1	0	0	1	TN máy điện (+), Máy điện II(+)

31	5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	2	0	0	2	
32	5502009	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	2	0	0	2	
33	5505296	Quản lý dự án chuyên ngành	2	0	0	2	
34	5505400	Đồ án tốt nghiệp CNKTĐ	12	0	0	12	Kỹ thuật cao áp & vật liệu điện, Bảo vệ role, Nhà máy điện
35	5505297	Anh văn chuyên ngành	2	0	0	2	Ngoại ngữ III
36	5505298	Phân tích mạch điện phi tuyến	2	0	0	2	Lý thuyết mạch II
37	5505299	Phương pháp tính số	2	0	0	2	Toán chuyên ngành
38	5505401	Thực tập tốt nghiệp CNKTĐ	0	0	5	5	Kỹ thuật cao áp & vật liệu điện, Bảo vệ role, Nhà máy điện (+)
39	5505300	Chất lượng điện năng	2	0	0	2	Mạng điện khu vực, Năng lượng sạch và tái tạo
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy học phần chuyên ngành bắt buộc</b>						<b>88</b>	
<b>2.3. Các học phần chuyên ngành - tự chọn bắt buộc</b>							
1	5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	0	0	2	Kỹ thuật điện tử
2	5505100	TN Đo lường và Cảm biến	0	1	0	1	Đo lường điện - điện tử, Kỹ thuật cảm biến
3	5505075	TH Lập trình PLC	0	1	0	1	Lập trình logic và PLC
4	5505293	Thu thập số liệu & SCADA trong HTĐ	2	0	0	2	Lập trình logic và PLC
5	5505294	Nguồn dự phòng và hệ thống ATS	2	0	0	2	Kỹ thuật cao áp & vật liệu điện, Điện tử công suất
6	5505237	TH TTLĐ & TKCS trên máy tính	0	1	0	1	Kỹ thuật chiếu sáng
7	5505301	Ổn định Hệ thống điện	2	0	0	2	Mạng điện khu vực, Kỹ thuật điều khiển tự động
8	5505302	Vận hành hệ thống điện	2	0	0	2	Toán chuyên ngành, Nhà máy điện
9	5505304	Tương tác trường điện từ	2	0	0	2	Trường điện từ
10	5505305	TT Trạm biến áp	0	0	1	1	Nhà máy điện (+)
11	5505306	TH năng lượng tái tạo (phần điện)	0	1	0	1	Năng lượng sạch và tái tạo
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy HP chuyên ngành tự chọn bắt buộc</b>						<b>5</b>	
<b>Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp</b>						<b>93</b>	
<b>Tổng số</b>						<b>159</b>	

## 2.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)										
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9		
1	5319001	Đại số tuyến tính	2	R	I									
2	5319002	Giải tích I	3	R	I									
3	5505108	Toán chuyên ngành	2	M										
4	5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	R	R									
5	5319003	Giải tích II	2	R	I									
6	5319005	Xác suất Thống kê	2	I										
7	5209008	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					M						
8	5209005	Triết học Mác-LêNin	3					M						
9	5209006	Kinh tế chính trị	2					M						
10	5211005	Pháp luật đại cương	2					M						
11	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					M						
12	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2					M						
13	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	I		I					R			
14	5505251	Tin học cơ bản	2	I	I	I								
15	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1								R	I	I	
16	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1								R	R	I	
17	5413008	Tiếng Anh A2.1	3							I	R			
18	5413009	Tiếng Anh A2.2	2							I	R			
19	5413010	Tiếng Anh A2.3	2							I	R			
20	5413011	Tiếng Anh B1.1	2							I	R			
21	5413012	Tiếng Anh B1.2	2							I	R			
22	5505001	An toàn điện	1	I	R	I	I	I						I
23	5505038	Kỹ thuật điện tử	2	R	I	I	I							I
24	5505027	Đo lường điện - điện tử	2	R	R		I							I
25	5505033	Khí cụ điện	2	R	I	I	I							I
26	5505396	Kỹ thuật số	3	R	I		I							I

27	5505050	Lý thuyết mạch I	2	R	I	I	I					I
28	5505051	Lý thuyết mạch II	2	R	I	I	I					I
29	5505061	Nhập môn ngành Điện-Điện tử	1	I				I				I
30	5505199	TH điện cơ bản	1			I	R				R	I
31	5505292	TH Điện tử tương tự và số	2			I	R				R	R
32	5505077	TH nhập môn Điện- Điện tử	1			I	I				I	I
33	5505102	TN mạch điện	1	I	M	I					M	I
34	5505041	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	R	I		I		R			I
35	5505110	Trường điện từ	2	R	I	I	I					
36	5505002	Bảo vệ role	3	M	I	I	I					I
37	5505398	Chuyên đề HTCCĐ	2	I	R	I	I		M	M		I
38	5505006	Cung cấp điện	2	M	I	I	I	R				I
39	5505397	ĐA thiết kế cao áp	1			R	I	I	I			R
40	5505009	ĐA thiết kế mạng điện khu vực	2			M	I	I	I			R
41	5505011	Điện tử công suất	3	R	I		I	I				I
42	5505021	Đồ án thiết kế cấp điện	2			M	I	R	I			R
43	5505399	Học kỳ doanh nghiệp CNKTĐ	3			I	I	M	R	M	I	R
44	5505034	KT điện cao áp & vật liệu điện	3	R	I	I	I	I				I
45	5505036	Kỹ thuật chiếu sáng	2	M	I	I						I
46	5505291	Lập trình Logic và PLC	2	R	I							I
47	5505052	Mạng điện khu vực	3	M	I	I		I				I
48	5505055	Máy điện I	2	R	I	I						I
49	5505056	Máy điện II	2	R	I	I						I
50	5505059	Ngắn mạch	2	R	I	I		I				I
51	5505060	Nhà máy điện	3	R	I	I		I		R		I
52	5505058	Năng lượng sạch & tái tạo	2	R	I	I		I	R			I
53	5505081	TH tin học ứng dụng trong HTĐ	2		I	I			M		I	
54	5505109	Trang bị điện công nghiệp	2	R	I	I	I	I				I
55	5505092	TH máy điện	2		R	I	M	I			M	I

56	5505236	TN Cung cấp điện	1		M	I		M			R	I
57	5505099	TN Điện tử công suất	1		M	I		I	M		R	I
58	5505101	TN KT điện cao áp	1		M	I		M			R	I
59	5505104	TN Mạng điện khu vực	1		M	I		M			R	I
60	5505105	TN Máy điện	1		M	I	M	I			R	I
61	5505106	TN Role	1		R	I		I			R	I
62	5505235	Vẽ kỹ thuật điện-HTĐ	1							M		I
63	5505295	TH lắp đặt tủ điện	2		R	I	M	I			M	I
64	5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	R	I	I	I					I
65	5505100	TN Đo lường và Cảm biến	1		R	I		I			R	I
66	5505075	TH Lập trình PLC	1		R	I		I			I	I
67	5505293	Thu thập số liệu & SCADA trong HTĐ	2	I		I	I					I
68	5505294	Nguồn dự phòng và hệ thống ATS	2	I	I	I	I	I				I
69	5505237	TH TTLĐ & TKCS trên máy tính	1			I		I			I	I
70	5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	2							R	R	M
71	5502009	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	2							R	R	M
72	5505296	Quản lý dự án chuyên ngành	2					I	I	I	I	R
73	5505400	Đồ án tốt nghiệp CNKTD	12	R	I	R	I	M	M	M	R	M
74	5505297	Anh văn chuyên ngành	2							R		
75	5505298	Phân tích mạch điện phi tuyến	2	R		I	I					
76	5505299	Phương pháp tính số	2	I		I						
77	5505300	Chất lượng điện năng	2	I		I	I	R				
78	5505401	Thực tập tốt nghiệp CNKTD	5		I	I	R	M	R	M	I	M
79	5505395	Đồ án tổng hợp điện cơ	2			M		I		I		
80	5505394	Chuyên đề máy điện ứng dụng	1	M				I				
81	5505301	Ôn định Hệ thống điện	2	R		I	I	I				

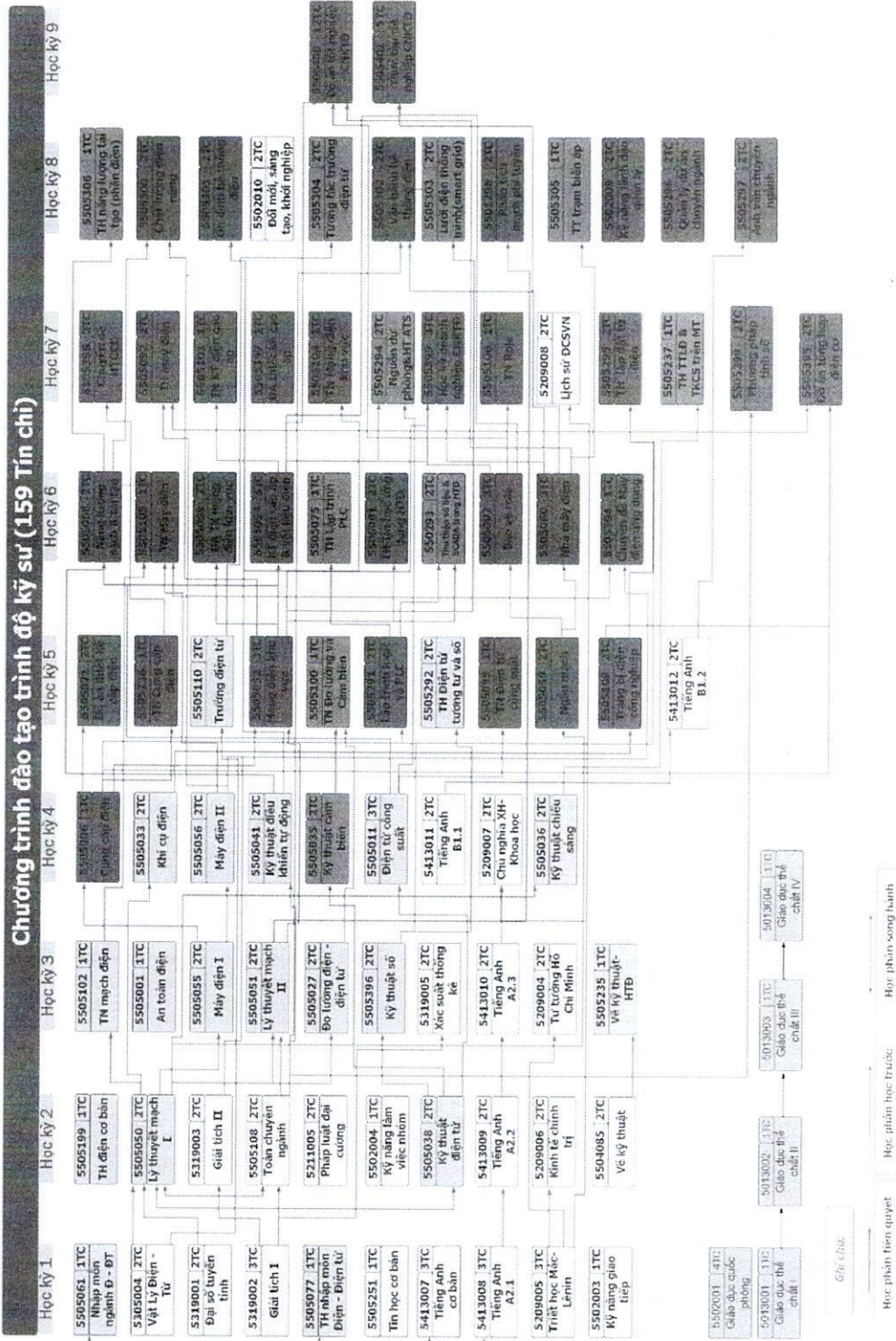


82	5505302	Vận hành hệ thống điện	2	R		I	I	I				
83	5505303	Lưới điện thông minh (Smart grid)	2	I		I	I	I				
84	5505304	Tương tác trường điện từ	2	I		I	I	I				
85	5505305	TT Trạm biến áp	1		I	I		I			I	
86	5505306	TH năng lượng tái tạo (phần điện)	1		I	I		I			I	

### 2.3. Cây chương trình



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ (CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN)



Ghi chú:

Học phần trên quyết: Học phần học trước; Học phần song hành

Học phần bắt buộc; Học phần tự chọn bắt buộc

Học phần chuyên ngành

## 2.4. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
1	5013001	Giáo dục thể chất I	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5209005	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5305004	Vật Lý Điện - Từ	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5319001	Đại số tuyến tính	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5319002	Giải tích I	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5413007	Tiếng Anh cơ bản	3	Học phần tự chọn tự do
	5413008	Tiếng Anh A2.1	3	Học phần bắt buộc - đại cương
	5502001	Giáo dục quốc phòng	4	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505061	Nhập môn ngành Điện- Điện tử	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505077	TH nhập môn Điện- Điện tử	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505251	Tin học cơ bản	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	2	5013002	Giáo dục thể chất II	1
5209006		Kinh tế chính trị	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5211005		Pháp luật đại cương	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5319003		Giải tích II	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5502004		Kỹ năng làm việc nhóm	1	Học phần bắt buộc - đại cương
5504085		Vẽ kỹ thuật	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5413009		Tiếng Anh A2.2	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5505050		Lý thuyết mạch I	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
5505108		Toán chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - đại cương
5505199		TH điện cơ bản	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
5505038		Kỹ thuật điện tử	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
3	5013003	Giáo dục thể chất III	1	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5319005	Xác suất Thống kê	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505001	An toàn điện	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505027	Đo lường điện - điện tử	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505051	Lý thuyết mạch II	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505055	Máy điện I	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505102	TN mạch điện	1	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505235	Vẽ kỹ thuật điện - HTĐ	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5413010	Tiếng Anh A2.3	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505396	Kỹ thuật số	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
4	5013004	Giáo dục thể chất IV	1	
	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
	5505006	Cung cấp điện	2	

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	5505011	Điện tử công suất	3	Học phần bắt buộc - chứng chỉ
	5505033	Khí cụ điện	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505035	Kỹ thuật cảm biến	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505041	Kỹ thuật điều khiển tự động	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505056	Máy điện II	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505036	Kỹ thuật chiếu sáng	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5413011	Tiếng Anh B1.1	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
5	5505021	Đồ án thiết kế cấp điện	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505052	Mạng điện khu vực	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505059	Ngắn mạch	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505099	TN Điện tử công suất	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505100	TN Đo lường và Cảm biến	1	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505109	Trang bị điện công nghiệp	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505110	Trường điện từ	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5505236	TN Cung cấp điện	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505291	Lập trình Logic và PLC	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505292	TH Điện tử tương tự và số	2	Học phần bắt buộc - cơ sở
	5413012	Tiếng Anh B1.2	2	Học phần bắt buộc - đại cương
6	5505002	Bảo vệ rơle	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505009	ĐA thiết kế mạng điện khu vực	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505034	KT điện cao áp & vật liệu điện	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505058	Năng lượng sạch & tái tạo	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505060	Nhà máy điện	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505075	TH Lập trình PLC	1	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505081	TH tin học ứng dụng trong HTĐ	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505105	TN Máy điện	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	5505293	Thu thập số liệu & SCADA trong HTĐ	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505394	Chuyên đề máy điện ứng dụng	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
7	5209008	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	2	Học phần bắt buộc - đại cương
	5505092	TH máy điện	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505101	TN KT điện cao áp	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505104	TN Mạng điện khu vực	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505106	TN Role	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505237	TH TTLĐ & TKCS trên máy tính	1	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505398	Chuyên đề HTCCĐ	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505294	Nguồn dự phòng và hệ thống ATS	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505295	TH lắp đặt tủ điện	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505399	Học kỳ doanh nghiệp CNKTĐ	3	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505299	Phương pháp tính số	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505395	Đồ án tổng hợp điện cơ	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505397	ĐA thiết kế cao áp	1	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	8	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2
5502010		Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505296		Quản lý dự án chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505297		Anh văn chuyên ngành	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505298		Phân tích mạch điện phi tuyến	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505300		Chất lượng điện năng	2	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
5505301		Ổn định Hệ thống điện	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
5505302		Vận hành hệ thống điện	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành

Học kỳ	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần
	5505303	Lưới điện thông minh (Smart grid)	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505304	Tương tác trường điện từ	2	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505305	TT Trạm biến áp	1	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
	5505306	TH năng lượng tái tạo (phần điện)	1	Học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành
9	5505400	Đồ án tốt nghiệp CNKTĐ	12	Học phần bắt buộc - chuyên ngành
	5505401	Thực tập tốt nghiệp CNKTĐ	5	Học phần bắt buộc - chuyên ngành

## 2.5. Mô tả tóm tắt các học phần

Mô tả tóm tắt các học phần giáo dục chuyên nghiệp

### Nhập môn ngành Điện- Điện tử(LT+TH)

Giới thiệu và định hướng về nghề nghiệp cho sinh viên ngành Điện - Điện tử. Tư vấn những công việc và những địa chỉ mà sinh viên có thể tham gia tuyển dụng sau khi tốt nghiệp. Giới thiệu tổng quan về 2 chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện và Kỹ thuật điện tử. Tổ chức cho SV tham quan, thực hành làm quen ngành nghề Điện- Điện tử tại các xưởng, PTN.

### Kỹ thuật điện tử

Môn học Kỹ thuật điện tử cơ bản nhằm cung cấp cho người học các nội dung về cấu trúc, nguyên lý hoạt động, các thông số kỹ thuật của linh kiện điện tử. Phân tích mạch và hoạt động một số ứng dụng điển hình.

### An toàn điện

Cung cấp kiến thức lý thuyết cơ bản về an toàn điện và các biện pháp đảm bảo an toàn cho người khi tiếp xúc mạch điện, các hình thức bảo vệ sử dụng trong hệ thống điện, các quy định liên quan đến vấn đề an toàn khi làm việc trong hệ thống điện.

### Lý thuyết mạch 1

Giới thiệu các khái niệm và định luật cơ bản về mạch điện. Phân tích mạch ở chế độ xác lập điều hòa. Nghiên cứu mạng một cửa (hai cực), hai cửa (bốn cực) và mạch điện ba pha.

### Lý thuyết mạch 2

Các khái niệm cơ bản về mạch điện phi tuyến và các phương pháp giải, các khái niệm về quá trình quá độ và các phương pháp giải, các khái niệm về mạch thông số rải và các phương pháp giải.

### Đo lường điện – điện tử

Giới thiệu cơ sở lý thuyết của kỹ thuật đo lường; các khái niệm cơ bản và định nghĩa, mạch đo và thiết bị đo, đo lường những đại lượng điện (dòng điện, điện áp, công suất, điện năng, góc pha, tần số...), đo thông số của mạch điện. Các nguyên lý và phương pháp đo lường tín hiệu điện tử bằng các thiết bị đo điện tử.

### TN đo lường điện & cảm biến

Phương pháp đo các đại lượng không điện: đo nhiệt độ, đo áp suất, đo lực và moment, đo RLC sử dụng các mạch cầu và phương pháp trở kháng, TN đo lường độ dịch chuyển, đo góc, tốc độ.

## **Kỹ thuật số**

Kỹ thuật số là môn cơ sở ngành, được ứng dụng rộng rãi trong các hệ thống tự động, vi điều khiển, vi xử lý. Môn học nhằm cung cấp kiến thức cơ bản về tín hiệu xung, biến đổi xung, khoa điện tử, các hệ thống số đếm, các loại mã thông dụng, đại số Boole các phương pháp biểu diễn hàm, các phần tử logic cơ bản. Trên cơ sở đó tính toán, thiết kế các mạch tạo xung, các hệ tổ hợp và hệ tuần tự.....

## **Khí cụ điện**

Giới thiệu cơ sở lý thuyết về khí cụ điện : giới thiệu chung, lực điện động trong khí cụ điện, sự phát nóng trong khí cụ điện, hồ quang điện, tiếp xúc điện,... Giới thiệu các khí cụ điện được sử dụng trong hệ thống phân phối điện năng, hệ thống điều khiển, hệ thống điện hạ áp.

## **Kỹ thuật cảm biến**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý cấu tạo, cơ chế hoạt động, các thông số đo lường, phạm vi ứng dụng của cảm biến và cơ cấu chấp hành. Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên nhằm tạo cơ sở để có thể tính toán và lựa chọn cảm biến trong thiết kế các hệ thống tự động hóa trong điện công nghiệp.

## **Trang bị điện công nghiệp**

Học phần này giới thiệu các nguyên tắc truyền động điện, trang bị điện cho các máy trong công nghiệp và các bộ điều khiển động cơ điện.

## **TN Mạch điện**

Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về môn Mạch điện. Thông qua các bài thí nghiệm, sinh viên sẽ hiểu sâu và nắm vững kiến thức môn học: nắm được các thông số của mạch điện; kiểm nghiệm lại các công thức và các định luật trong mạch điện; hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau đến sự hoạt động của mạch điện.

## **TH điện cơ bản**

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết và kỹ năng nghề cơ bản liên quan đến kỹ thuật điện. Các nội dung chính gồm thực hành đo, lắp đặt điện chiếu sáng, thực hành mạch điều khiển và thao tác trên các thiết bị, khí cụ điện phổ biến khác.

## **TH điện tử tương tự và số**

Học phần này cung cấp các kỹ năng cơ bản ban đầu của nghề điện tử, sinh viên hoàn thành học phần này sẽ sử dụng thành thạo các thiết bị được sử dụng phổ biến như: các loại đồng hồ để đo các đại lượng cường độ dòng điện, điện áp..., các loại máy hiện sóng. Đồng thời sinh viên nắm được cách nhận dạng và đọc thông số của các linh kiện điện tử và ứng dụng để làm một số mạch điện tử cơ bản.

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản thực hiện các mô phỏng, phân tích, khảo sát các mạch xung số. Mục tiêu của HP là củng cố kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng phân tích và thực thi mạch, tổng hợp tạo ra các mạch ứng dụng phù hợp. Nội dung HP gồm 3 phần: Thí nghiệm ảo trên máy tính, khảo sát các mạch xung số cơ bản và cuối cùng là thi công một sản phẩm ứng dụng.

## **Lập trình Logic và PLC**

Lý thuyết cơ sở. Mạch tổ hợp và mạch trình tự. Bộ điều khiển lập trình PLC. Phương pháp lập trình PLC. Ngôn ngữ lập trình LADDER. Kỹ thuật lập trình điều khiển trình tự. Các chức năng chuyên dụng trên PLC. Những ứng dụng của PLC. Lựa chọn, lắp đặt, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

## **TH lập trình PLC**

Giúp cho sinh viên nắm được cấu tạo của CPU, các ngõ vào ra I/O, các ngôn ngữ lập trình, timer, counter... từ đó ứng dụng được trong các hệ thống điều khiển công nghiệp.

## **Điện tử công suất**

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực điện tử công suất, bao gồm linh kiện bán dẫn công suất, các phương pháp điều khiển và ổn định trong điện tử công nghiệp. Các mô hình ứng dụng như điều khiển và ổn định nhiệt độ, biến đổi điện áp, nghịch lưu, biến tần, điều khiển và ổn định tốc độ động cơ, nung nóng cao tần... Ngoài ra HP còn làm nền tảng để tham gia học kỳ doanh nghiệp, thực hiện đồ án điện tử công suất

### **Cung cấp điện**

Trình bày các kiến thức về cung cấp điện xí nghiệp công nghiệp, các phương pháp tính toán kinh tế-kỹ thuật, phương pháp xác định phụ tải điện, tính toán tổn thất điện năng và phương pháp tính toán hệ thống cung cấp điện cho các xí nghiệp công nghiệp, nhà cao tầng và các công trình đô thị.

### **Đồ án thiết kế cấp điện**

Trên cơ sở kiến thức do học phần Cung cấp điện cung cấp, sinh viên sẽ thực hiện tính toán thiết kế cung cấp điện cho xí nghiệp công nghiệp, cách xác định phụ tải tính toán các phân xưởng, chọn phương án cung cấp điện, chọn máy biến áp, chọn dây dẫn, lựa chọn các thiết bị điện và thiết bị bảo vệ, chọn phương án cung cấp điện tối ưu.

### **Máy điện 1**

Nghiên cứu các kiến thức chung về máy điện, về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy biến áp và máy điện không đồng bộ. Dựa vào các định luật vật lý viết hệ phương trình mô tả sự làm việc của máy điện, từ đó thiết lập mạch điện thay thế, tính toán các quá trình năng lượng, đặc tính làm việc, nghiên cứu khai thác, sử dụng máy biến áp và máy điện không đồng bộ theo yêu cầu cụ thể.

### **Máy điện 2**

Nghiên cứu về cấu tạo, nguyên lý làm việc máy điện đồng bộ và máy điện một chiều. Dựa vào các định luật vật lý viết hệ phương trình mô tả sự làm việc của máy điện, từ đó thiết lập mạch điện thay thế, tính toán các quá trình năng lượng, đặc tính làm việc, nghiên cứu khai thác, sử dụng máy điện đồng bộ và máy điện một chiều theo yêu cầu cụ thể.

### **TN Máy điện**

Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức về môn học Máy điện. Thông qua các bài TN sinh viên sẽ hiểu sâu và nắm vững kiến thức môn học. Hiểu rõ về cấu tạo, nguyên lý làm việc và phương pháp vận hành các loại máy điện. Xây dựng được các đường đặc tính của các loại máy điện cơ bản. Lấy được các thông số làm việc của các loại máy điện. Tính toán được các thông số ảnh hưởng đến sự hoạt động của các loại máy điện. Nắm bắt một cách trực quan kết quả TN bằng máy tính.

### **TH máy điện**

Học phần này giúp sinh viên nắm được cấu tạo của dây quấn máy điện, từ đó thiết lập được các sơ đồ dây quấn cơ bản của động cơ điện xoay chiều. Thực hiện tính toán và sửa chữa dây quấn.

### **Trường điện từ**

Các khái niệm cơ bản về trường điện từ, Các khái niệm và định luật cơ bản của điện trường tĩnh, các phương pháp giải bài toán điện trường tĩnh, Tính toán điện trường dừng. Tính toán từ trường dừng.

### **Bảo vệ role**

Giới thiệu cơ sở lý thuyết về kỹ thuật bảo vệ role: khái niệm chung về bảo vệ role, các mạch bảo vệ dùng role (bảo vệ quá dòng điện, bảo vệ quá dòng có hướng, bảo vệ chống chạm đất, bảo vệ dòng lệch, bảo vệ khoảng cách, bảo vệ tần số cao và vô tuyến). Tự động đóng nguồn dự trữ, tự động đóng trở lại nguồn điện.

### **Ngắn mạch**



Giới thiệu cơ sở lý thuyết về ngắn mạch, các phương pháp tính toán ngắn mạch, tình trạng ngắn mạch duy trì và ngắn mạch không đối xứng. Tìm hiểu về quá trình quá độ trong mạch điện đơn giản và trong máy điện khi có ngắn mạch xảy ra.

### **Mạng điện khu vực**

Giới thiệu những vấn đề chung về hệ thống điện và mạng điện. Tính toán chế độ xác lập của mạng điện. Chọn tiết diện dây dẫn, máy biến áp. Điều chỉnh điện áp trong mạng điện. Nâng cao hiệu quả kinh tế mạng điện.

### **TN Role**

Nội dung của học phần gồm các bài TN cài đặt, chỉnh định các bảo vệ thường dùng trong hệ thống điện;

### **TN Mạng điện khu vực**

TN này giúp sinh viên hệ thống hóa lại các kiến thức đã được học trong các học phần liên quan đến mạng điện. Nội dung của học phần gồm các bài TN nghiên cứu sự phân bố điện áp trên đường dây truyền tải. Đo đạc các thông số về điện áp, công suất, tổn thất công suất, tổn thất điện năng, hệ số công suất, nâng cao hệ số công suất,... ở cấp điện áp cao.

### **Đồ án thiết kế mạng điện khu vực**

Cân bằng công suất trong hệ thống điện, xác định sơ bộ dung lượng bù của hệ thống theo điều kiện cân bằng công suất phản kháng, chọn tiết diện dây dẫn, tính toán so sánh kinh tế-kỹ thuật các phương án, lựa chọn số lượng và dung lượng máy biến áp, chọn sơ đồ nối dây chi tiết mạng điện, tính toán bù kinh tế mạng điện, tính toán phân bố công suất chính xác trong các chế độ, kiểm tra cân bằng công suất phản kháng, tính toán điều chỉnh điện áp trong mạng điện, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của mạng điện thiết kế.

### **KT điện cao áp & vật liệu điện**

Phóng điện vàng quang. Phóng điện sét và bảo vệ chống sét đánh thẳng vào hệ thống điện. Quá trình sóng trên đường dây tải điện. Nối đất trong hệ thống điện. Bảo vệ chống sét cho hệ thống điện. Quá điện áp nội bộ. Cung cấp các kiến thức cơ bản: các quá trình vật lý, các tính chất cơ bản và đặc tính của vật liệu điện, các vật liệu điện được sử dụng trong kỹ thuật điện, vật liệu dẫn điện, bán dẫn điện, vật liệu siêu dẫn, vật liệu từ, đặc biệt là các vật liệu cách điện ở điện áp cao và các kết cấu cách điện cao áp.

### **TN KT điện cao áp**

Nội dung của học phần gồm các bài TN phóng điện trong chất khí trong dầu máy biến áp và tính toán điện trở suất của đất.

### **Đồ án chống sét và tiếp địa**

Môn học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành hệ thống điện những kiến thức về tính toán bảo vệ chống sét đánh thẳng cho trạm phân phối điện, tính toán bảo vệ sét đánh đường dây tải điện, tính toán nối đất Hệ thống.

### **TH tin ứng dụng trong HTĐ**

Ứng dụng Matlab để tính toán ma trận, đa thức, giải phương trình, đạo hàm, tích phân. Vẽ một số đồ thị dạng 2D, 3D. Tạo giao diện người sử dụng GUI. Ứng dụng công cụ Simulink để mô hình hóa, mô phỏng hệ thống điện. Mô phỏng trào lưu công suất trong hệ thống điện.

### **TN Cung cấp điện**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về hệ thống lưới điện phân phối như nguồn, đường dây tải điện cấp 22 kV. Đo đạc các thông số về điện áp, công suất, tổn thất công suất, tổn thất điện năng, hệ số công suất, nâng cao hệ số công suất,... ở cấp điện áp trung áp.

### **Chuyên đề Hệ thống cung cấp điện (HTCCĐ)**

Học phần này trang bị cho sinh viên chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện các kiến thức thực tế về các lĩnh vực lưới điện phân phối như các vấn đề bảo vệ rơle, bù công suất phản kháng, chọn chống sét, tính toán nổi đất an toàn,...

### **Kỹ thuật chiếu sáng**

Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận các vấn đề liên quan đến chiếu sáng trong dân dụng và công nghiệp. Trang bị những kiến thức cơ bản về chiếu sáng, chọn thiết bị chiếu sáng phù hợp trong các công trình và tính toán chiếu sáng trong nhà cũng như trên đường phố.

### **TH TTLĐPP & TKCS trên máy tính**

Học phần này giúp cho người học tính toán tổn thất điện áp, tổn thất công suất và tổn thất điện năng trong lưới điện phân phối tại các Điện lực. Sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để tính toán các thông số dòng, áp và công suất trong lưới điện phân phối. Học phần này giúp cho người học thiết kế chiếu sáng với phần mềm chuyên dụng. Tìm hiểu phần mềm, ứng dụng phần mềm để thiết kế nhanh chiếu sáng nội thất, chiếu sáng công nghiệp.

### **Vẽ kỹ thuật điện - HTĐ**

Học phần này trình bày một số quy định về bản vẽ sơ đồ điện, giới thiệu và hướng dẫn cách đọc các sơ đồ điện. Giới thiệu và ứng dụng phần mềm Autocad để vẽ các sơ đồ trong hệ thống cung cấp điện xí nghiệp công nghiệp.

### **Năng lượng sạch & tái tạo**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nguồn năng lượng mới (năng lượng tái tạo) tập trung chủ yếu vào năng lượng mặt trời và năng lượng gió, các quá trình biến đổi năng lượng, các bộ biến đổi công suất và máy điện. Những kiến thức này sẽ giúp sinh viên hiểu được chức năng cơ bản của một hệ thống phát điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.

### **Thu thập số liệu và SCADA trong HTĐ**

Tổng quan về các tín hiệu và hệ thống thông tin, biến đổi tín hiệu, các nguyên lý ghép kênh, công tác điều độ trong hệ thống điện, giới thiệu về hệ thống SCADA.

### **Nhà máy điện**

Khái niệm chung về nhà máy điện, trạm biến áp, hệ thống điện và năng lượng. Sơ đồ nổi điện chính của nhà máy điện và trạm biến áp. Máy biến áp điện lực. Ảnh hưởng của dòng điện đối với các thiết bị điện và các phần có dòng điện chạy qua. Chọn các thiết bị điện chính trong nhà máy điện và trạm biến áp. Tự dùng trong nhà máy điện và trạm biến áp. Thiết bị phân phối điện năng.

### **TT Trạm biến áp**

Học phần này trang bị điện giúp sinh viên tìm hiểu các thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong hệ thống điện, nghiên cứu mạch nhất thứ và nhị thứ trong trạm biến áp. Nắm được nguyên lý hoạt động, cách thao tác, vận hành trạm biến áp, vẽ và đọc sơ đồ mặt cắt, mặt bằng của trạm biến áp.

### **Học kỳ doanh nghiệp CNKTĐ**

Người học sẽ được trải nghiệm thực tế công việc liên quan đến lĩnh vực Hệ thống điện trong các cơ quan, công ty, nhà máy, xí nghiệp công nghiệp,...

### **Đồ án tốt nghiệp CNKTĐ**

Học phần này tổng hợp các kiến thức chuyên ngành đã học. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng hợp về lĩnh vực Hệ thống điện như: Kỹ thuật cao áp, Hệ thống cung cấp điện cho xí nghiệp công nghiệp, Phân điện trong Nhà máy điện, kỹ thuật chiếu sáng,...

### **Chất lượng điện năng**

Học phần cung cấp các định nghĩa và tiêu chuẩn về chất lượng điện năng, phân loại các bài toán về chất lượng điện năng, nguồn gây ra suy giảm điện áp ngắn hạn và quá điện áp quá độ, bảo vệ và phân tích hệ thống phân phối, các thiết bị bảo vệ, méo do sóng hài, nguyên tắc của việc điều

khiến sóng hài, các thiết bị lọc sóng hài, quản lý chất lượng điện năng, và cải thiện chất lượng điện năng

### **Quản lý dự án công trình điện**

Những vấn đề chung về công tác Quản lý đầu tư xây dựng công trình điện, đánh giá hiệu quả tài chính của dự án đầu tư, trình tự đầu tư xây dựng công trình điện, chọn lựa nhà thầu và quản lý hợp đồng xây dựng, lập và quản lý chi phí dự án công trình điện, xây dựng tiến độ dự án.

### **Vận hành hệ thống điện**

Môn học Vận hành hệ thống điện sẽ trang bị các kiến thức nền tảng, cần thiết để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác vận hành hệ thống điện nhằm đảm bảo hệ thống điện vận hành một cách hiệu quả và đáp ứng yêu cầu sản xuất, truyền tải và phân phối điện đến hộ tiêu thụ theo yêu cầu và đáp ứng chất lượng điện năng.

### **Chuyên đề máy điện ứng dụng**

Cung cấp kiến thức cơ bản về máy điện trong các ứng dụng thực tiễn và hiện đại như động cơ trong xe điện, trong điều khiển, v.v. Học phần cũng giới thiệu về các loại động cơ tiên tiến đang được nghiên cứu, phát triển trên thế giới.

### **Đồ án tổng hợp điện cơ**

Học phần tập trung cung cấp cho sinh viên kiến thức về lĩnh vực máy điện và các thiết bị thường được sử dụng trong vận hành máy điện, trong đó sinh viên sẽ thực hiện một trong các nội dung về thiết kế máy điện hướng ứng dụng cụ thể thông qua sự hỗ trợ của phần mềm, thiết kế mạch lực và mạch điều khiển động cơ sử dụng thiết bị điện, điện tử công suất, v.v.

### **TH thực hành lắp đặt tủ điện**

Học phần giúp sinh viên làm quen với các thiết bị điện đóng cắt, biết phương pháp và kỹ năng lắp đặt tủ điện đúng kỹ thuật và an toàn.

### **Tương tác điện từ**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ảnh hưởng của điện từ trường đến sự hoạt động của các thiết bị điện. Sự tương tác điện từ trường của các phần tử thiết bị điện, mạch điện khi trong quá trình làm việc. Những tiêu chuẩn đánh giá sự tương tác điện từ trường, các nguồn gây nhiễu, các phần tử bị ảnh hưởng, các hình thức kết nối có thể gây nhiễu, những tác động không tốt đến các phần tử khác.

### **Lưới điện thông minh (Smart Grid)**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu lưới điện thông minh: các nguồn năng lượng mới, hệ thống dự trữ năng lượng, hệ thống thông tin điều khiển dùng trong lưới điện thông minh và bảo vệ các phần tử của lưới điện. Nhận biết ý nghĩa và vai trò của lưới điện thông minh trong sự phát triển của lưới điện ngày nay. Nắm vững sự hoạt động của các phần tử bên trong lưới điện thông minh. Thiết kế và tối ưu một lưới điện nhỏ.

### **Thực tập tốt nghiệp CNKTD**

Thực tập ứng dụng với mục đích cho sinh viên khám phá công việc của người kỹ sư điện thông qua việc cử sinh viên tham gia vào nhóm cùng làm việc với các kỹ sư của doanh nghiệp. Những chức năng thực hiện và những công việc phải làm trong quá trình thực tập tương ứng với yêu cầu của một doanh nghiệp về một kỹ sư vừa mới ra trường.

### **Phân tích mạch điện phi tuyến**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết về kỹ thuật cơ sở của chuyên ngành, nhằm làm nền tảng cho sinh viên học các môn học kỹ thuật chuyên ngành và ứng dụng để tính toán, thiết kế, phân tích mạch điện cụ thể sau này. Sinh viên phải nắm được các khái niệm, các phương pháp phân tích mạch điện phi tuyến để ứng dụng giải các loại bài toán về mạch điện phi tuyến.

## **Anh văn chuyên ngành**

Cung cấp cho sinh viên các thuật ngữ tiếng anh liên quan tới hệ thống điện-điện tử, khả năng đọc, hiểu được các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng anh liên quan tới kỹ thuật điện.

## **Phương pháp tính số**

Học phần cung cấp phương pháp giải đến kết quả bằng số cho các bài toán, các phương pháp giải gần đúng cho những bài toán trong thực tế mà không có lời giải chính xác. Môn học này là cầu nối giữa toán học lý thuyết và các ứng dụng của nó trong thực tế. Trong thời đại tin học hiện nay thì việc áp dụng các phương pháp tính làm tăng tốc độ tính toán.

## **Nguồn dự phòng và hệ thống ATS (Automatic Transfer Switch)**

Học phần cung cấp kiến thức về cấu hình, chủng loại, nguyên lý hoạt động cơ bản của tủ ATS, nguyên tắc theo dõi các nguồn điện và chuyển tín hiệu khởi động đến máy phát điện nếu nguồn điện xảy ra sự cố... nhằm đảm bảo nguồn điện liên tục khi có bất kỳ sự cố mất điện nào xảy ra từ lưới điện.

## **Đổi mới, sáng tạo khởi nghiệp**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công nghệ mới, xu hướng phát triển công nghệ trong nước và trên thế giới, khởi nghiệp và khởi nghiệp công nghệ. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về viết đề xuất dự án khởi nghiệp, quy trình khởi sự doanh nghiệp và các vấn đề liên quan. Đặc biệt, sinh viên có cơ hội nhận được những chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.

## **Kỹ năng lãnh đạo, quản lý**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lãnh đạo, quản lý như: Khái niệm, đặc trưng, vai trò, các phẩm chất và các phong cách lãnh đạo, quản lý. Học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng về lãnh đạo, quản lý như: Kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng xây dựng tổ chức, kỹ năng kiểm tra – đánh giá, kỹ năng điều hành, kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định, kỹ năng tạo động lực cho nhân viên, kỹ năng quản lý sự thay đổi... Sau khi học xong học phần này sẽ giúp sinh viên sẽ thay đổi nhận thức về lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao khả năng xây dựng chiến lược cho tổ chức, khả năng điều hành và động viên, khích lệ nhân viên góp phần nâng cao hiệu quả trong công việc và trong cuộc sống sau này.

## **III. ĐỘI NGŨ CBGD VÀ NGUỒN LỰC CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Danh sách đội ngũ giảng viên.**

Các GV đảm nhiệm việc giảng dạy các HP cơ sở và chuyên ngành:

#### **3.1.1. Danh sách các giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy**

1	TS. Trương Thị Hoa	Giảng viên chính
2	TS. Doãn Văn Đông	Giảng viên chính
3	TS. Ngô Đức Kiên	Giảng viên chính
4	ThS. Hồ Quang Việt	Giảng viên
5	ThS. Lê Công Hân	Giảng viên
6	ThS. Doãn Văn Khánh	Giảng viên
7	KS. Trương Thị Ánh Tuyết	Trợ giảng

8	KS. Trương Văn Nhân	Trợ giảng
---	---------------------	-----------

### 3.1.2. Danh sách các giảng viên tham gia giảng dạy

1	TS. Nguyễn Linh Nam	Giảng viên chính
2	TS. Trần Hoàng Vũ	Giảng viên chính
3	TS. Nguyễn Thị Khánh Hồng	Giảng viên chính
4	ThS. Phạm Văn Phát	Giảng viên
5	ThS. Võ Thị Hương	Giảng viên
6	ThS. Nguyễn Văn Thịnh	Giảng viên
7	ThS. Trần Duy Chung	Giảng viên
8	ThS. Lê Ngọc Quý Văn	Trợ giảng
9	TS. Nguyễn Đức Quận	Giảng viên
10	TS. Phạm Thanh Phong	Giảng viên chính
11	ThS. Cao Nguyễn Khoa Nam	Giảng viên
12	ThS. Võ Khánh Thoại	Giảng viên
13	TS. Phạm Duy Dương	Giảng viên chính
14	ThS. Dương Quang Thiện	Giảng viên
15	TS. Hoàng Thị Mỹ Lệ	Giảng viên chính
16	TS. Trần Lê Nhật Hoàng	Giảng viên
17	ThS. Trần Bửu Dung	Giảng viên
18	TS. Hoàng Dũng	Giảng viên chính
19	ThS. Nguyễn Tấn Hòa	Giảng viên
20	ThS. Nguyễn Văn Nam	Giảng viên

### 3.2. Các thiết bị thí nghiệm thực hành - phòng thí nghiệm - lab, phòng máy tính

#### 3.2.1. Phòng thí nghiệm:

- Phòng thí nghiệm Rơ le và Cao áp
- Phòng thí nghiệm Mạng và Cung cấp điện
- Phòng thí nghiệm Máy điện
- Phòng thí nghiệm Tự động hóa
- Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện tử

#### 3.2.2. Xưởng thực hành:

- Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 1
- Xưởng thực hành Kỹ thuật điện 2
- Xưởng thực hành Kỹ thuật điện tử

#### 3.2.3. Phòng máy tính:

- Phòng máy vi tính chuyên ngành

Phòng thực hành máy vi tính 1

Phòng thực hành máy vi tính 2

Phòng thực hành máy vi tính 3

Phòng thực hành máy vi tính 4

### **3.2.4. Các phương tiện phục vụ đào tạo khác của chuyên ngành**

- Laptop

- Máy chiếu

- Các phần mềm chuyên ngành: Etap, Matlab, Dialux, E-design (ABB), Ecodial,

Autocad

## **IV. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **4.1. Hướng dẫn thực hiện chung**

Tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và đánh giá được thực hiện phù hợp với bản đặc tả chương trình đào tạo này. Với những học phần tự chọn, tùy thuộc vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, khoa sẽ tư vấn cho sinh viên lựa chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời, thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật hàng năm (thường là những thay đổi nhỏ như chính sách tuyển sinh, đề cương học phần, tài liệu giảng dạy và học tập) và rà soát 2 năm một lần (chủ yếu xem xét lại chuẩn đầu ra của chương trình, thêm hoặc bỏ bớt các học phần) để đáp ứng nhu cầu của các bên có liên quan. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho Trường để xem xét và phê chuẩn theo quy định hiện hành.

Chương trình này là chương trình đào tạo theo tín chỉ, vì vậy:

- Giảng viên phải cung cấp chương trình chi tiết học phần kèm hình thức tổ chức dạy-học, cách thức đánh giá cho người học ngay buổi học đầu tiên. Cần lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên để họ hoàn thành khối lượng kiến thức bài học theo yêu cầu tín chỉ (các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, yêu cầu của giảng viên đối với các vấn đề đó).

- Người học phải tham khảo ý kiến cố vấn học tập để lựa chọn đúng học phần, biết tự tìm hiểu và xác định chương trình học tập, tự giác trong tự học, tự lên kế hoạch và lập thời gian biểu cho quá trình học tập.

### **4.2. Chương trình này được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực cho người học. Vì vậy, việc thực hiện chương trình phải đảm bảo các yêu cầu:**

- Tập trung vào dạy cách học và rèn luyện năng lực tự học cho người học.

- Tinh giản lý thuyết, gắn lý thuyết với thực tiễn, tăng cường thực hành, thảo luận, học tập theo nhóm.


- Cần chú ý việc vận dụng các kiến thức vào giải quyết những vấn đề cụ thể, sát thực với cuộc sống.

- Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối học phần, đánh giá của người dạy với tự đánh giá của người học.

- Đa dạng hóa các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá bằng hình thức vấn đáp hoặc thông qua các hoạt động thực hành, thuyết trình và các sản phẩm như báo cáo đánh giá, báo cáo tổng kết, tiểu luận, ...

Đà Nẵng, ngày ..... tháng ..... năm 20...

**BỘ MÔN**

  
Trương Thị Hòa

**TRƯỜNG KHOA**

  
Phan Văn V4

**HIỆU TRƯỞNG**



  
PGS.TS. PHAN CAO THỌ